

Số: 801 /TB-HD TD

Điện Biên, ngày 28 tháng 5 năm 2020

**THÔNG BÁO**

**Danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển vòng 1,  
Triệu tập thí sinh tham dự xét tuyển vòng 2 (Phòng vắn)  
Kỳ xét tuyển viên chức chuyên môn y tế năm 2020**

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-SNV ngày 18/3/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên, về việc phê duyệt Phương án xét tuyển dụng viên chức chuyên môn Y tế năm 2020;

Hội đồng xét tuyển viên chức chuyên môn y tế năm 2020, Sở Y tế tỉnh Điện Biên thông báo tới các thí sinh tham dự xét tuyển dụng một số nội dung như sau:

1. Thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển vòng 1.  
*(Có danh sách kèm theo)*

2. Triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét tuyển vòng 2 (phòng vắn) đến nghe phổ biến quy chế xét tuyển, phòng vắn; Hướng dẫn nội dung ôn tập.

- Thời gian tập trung: ½ ngày: Bắt đầu từ 8 giờ 00' đến 11 giờ 00' ngày 05/6/2020.

- Địa điểm: Tại Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Điện Biên. Địa chỉ số 227, tổ 10, Phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Thời gian, địa điểm tổ chức phòng vắn:

- Thời gian phòng vắn 04 ngày: Bắt đầu từ 7 giờ 30' ngày 15/6/2020 đến 17 giờ 00' ngày 18/6/2020.

- Địa điểm phòng vắn: Tại Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Điện Biên.

\*Danh sách, sổ báo danh thí sinh, lịch phòng vắn từng ngày, sổ phòng phòng vắn được niêm yết tại Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Điện Biên trước ngày tổ chức phòng vắn 01 ngày.

Yêu cầu các thí sinh khi tham gia xét tuyển vòng 2 (phòng vắn) mang theo Chứng minh thư nhân dân (hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh) và có mặt đúng thời gian, địa điểm nêu trên; Nếu vắng mặt trong buổi phòng vắn coi như bỏ phòng vắn, không được xét tuyển./.

*Nơi nhận:*

- Các thí sinh;

- Lưu: VT, TCCB.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**BSCKII. Lương Văn Kiên**

SỞ Y TẾ TỈNH BIÊN  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DÙNG VIÊN  
CHỨC Y TẾ NĂM 2020

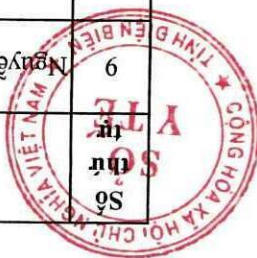
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN XÉT TUYỂN VÒNG 1, TRIỆU TẬP THÍ SINH THAM DỰ XÉT TUYỂN  
VÒNG 2 (PHÒNG VẠN) - KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC CHUYÊN MÔN Y TẾ NĂM 2020  
(Kèm theo Thông báo số 801/TB-SYT ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên)



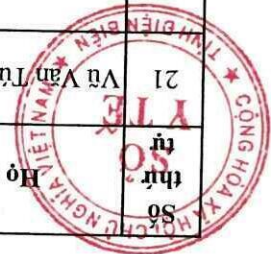
| Số<br>thứ<br>tự | Họ và tên        | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Dân tộc | Hồ khẩu thường trú                                    | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành   | Hệ đào<br>tạo  | Số hiệu<br>văn bằng | Ngày tháng<br>năm cấp | Đối tượng<br>ưu tiên    | Ghi chú |
|-----------------|------------------|-----------------------------|---------|-------------------------------------------------------|---------------------|----------------|----------------|---------------------|-----------------------|-------------------------|---------|
| 1               | Bác sĩ đa khoa   |                             |         |                                                       |                     |                |                |                     | 10                    | 11                      |         |
| 1               | Lê Thị Trung Anh | 24/12/1994                  | Kinh    | Tổ 15, Phường Mường Thanh,<br>TP Điện Biên Phủ        | Đại học             | Bác sĩ đa khoa | CQ             | 0006424             | 19/6/2019             |                         |         |
| 2               | Lê Thị Ngọc Anh  | 28/11/1994                  | Kinh    | Xã Thanh Xương, huyện Điện<br>Biên                    | Đại học             | Bác sĩ đa khoa | CQ             | 0006468             | 19/6/2019             |                         |         |
| 3               | Lù Thị Ay        | 06/6/1994                   | Thái    | Bản Pả Khuang, xã Luồn Giỏi,<br>huyện Điện Biên       | Đại học             | Bác sĩ đa khoa | CQ cử<br>tuyển | 051653              | 20/6/2019             | Dân tộc<br>thiểu số     |         |
| 4               | Lương Văn Bắc    | 17/8/1991                   | Thái    | Bản Huổi Cánh, xã Thanh An,<br>huyện Điện Biên        | Đại học             | Bác sĩ đa khoa | CQ             | 0006547             | 06/9/2019             | Dân tộc<br>thiểu số     |         |
| 5               | Ngô Ngọc Bách    | 03/11/1994                  | Kinh    | Thôn Hoàng Công Chải, Xã<br>Thanh An, huyện Điện Biên | Đại học             | Bác sĩ đa khoa | CQ             | 0006469             | 19/12/2019            |                         |         |
| 6               | Lê Mai Chi       | 02/03/1995                  | Kinh    | SN 224-Tổ 3, phường Him Lam,<br>TP Điện Biên Phủ      | Đại học             | Bác sĩ đa khoa | CQ             | 191420              | 21/6/2019             |                         |         |
| 7               | Nguyễn Tất Đạt   | 07/11/1995                  | Kinh    | Phố 4, Phường Thanh Trường,<br>TP Điện Biên Phủ       | Đại học             | Bác sĩ đa khoa | CQ             | 051583              | 21/6/2019             | Sĩ quan dự bị<br>QĐNDVN |         |
| 8               | Phùng Ông Diên   | 05/4/1994                   | Dao     | Bản Huổi Cờ Dao, xã Nà Hỷ,<br>huyện Nậm Pồ            | Đại học             | Bác sĩ đa khoa | CQ             | 051586              | 20/6/2019             | Dân tộc                 |         |



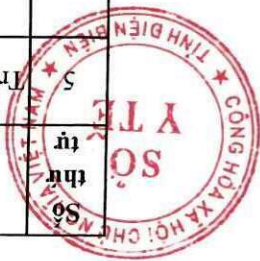


| Số thứ tự | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Hồ khẩu thường trú                                        | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành   | Hệ đào tạo  | Số hiệu văn bằng | Ngày tháng năm cấp | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----------|-----------------------|-----------------------|---------|-----------------------------------------------------------|------------------|----------------|-------------|------------------|--------------------|-------------------|---------|
| 9         | Nguyễn Thị Thu Hà     | 12/11/1994            | Kinh    | Xóm 3, xã Yên Đồng, huyện Yên Yên, tỉnh Nam Định          | Đại học          | Bác sĩ đa khoa | CQ          | 045119           | 20/6/2018          |                   |         |
| 10        | Quảng Thị Hải         | 22/4/1994             | Thái    | Bản Pả Lạn, xã Xuân Lao, huyện Mường Ảng                  | Đại học          | Bác sĩ đa khoa | CQ          | 051561           | 20/6/2019          | Dân tộc thiểu số  |         |
| 11        | Nguyễn Thị Thanh Hằng | 21/12/1995            | Kinh    | Tổ 9, Phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ                  | Đại học          | Bác sĩ đa khoa | CQ          | 051592           | 20/6/2019          |                   |         |
| 12        | Nguyễn Thị Đông Lan   | 06/5/1995             | Kinh    | Thôn Hoàng Công Chất, xã Thanh An, H Điện Biên            | Đại học          | Bác sĩ đa khoa | CQ          | 0006114          | 19/6/2019          |                   |         |
| 13        | Nguyễn Thị Linh       | 02/11/1995            | Kinh    | Thôn C9, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên                  | Đại học          | Bác sĩ đa khoa | CQ          | 3000475          | 04/7/2019          |                   |         |
| 14        | Lê Thị Mai            | 18/9/1994             | Kinh    | Thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên       | Đại học          | Bác sĩ đa khoa | CQ          | 0006363          | 19/6/2019          |                   |         |
| 15        | Nguyễn Nguyệt Nga     | 01/3/1994             | Kinh    | Khu Thống Nhất, Thị trấn Chùa, huyện Chùa, tỉnh Điện Biên | Đại học          | Bác sĩ đa khoa | CQ          | 0006438          | 19/6/2019          |                   |         |
| 16        | Giảng A Nhia          | 12/12/1994            | Mông    | Bản Tia Lô B, xã Noong U, huyện Điện Biên Đông            | Đại học          | Bác sĩ đa khoa | CQ cử tuyển | 051714           | 20/6/2019          | Dân tộc thiểu số  |         |
| 17        | Mùa Thị Pây           | 08/11/1994            | Mông    | Bản Huổi Vang, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà             | Đại học          | Bác sĩ đa khoa | CQ          | 051957           | 30/12/2019         | Dân tộc           |         |
| 18        | Hà Thị Thương Thương  | 03/12/1993            | Mường   | Tổ 1, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé                       | Đại học          | Bác sĩ đa khoa | CQ          | 191676           | 21/6/2019          | Dân tộc           |         |
| 19        | Lò Văn Thủy           | 09/4/1994             | Thái    | Bản Na Tông I, xã Na Tông, huyện Điện Biên                | Đại học          | Bác sĩ đa khoa | CQ          | 051626           | 20/6/2019          | Dân tộc thiểu số  |         |
| 20        | Quảng Văn Tiên        | 26/8/1994             | Thái    | Tổ 3, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên       | Đại học          | Bác sĩ đa khoa | CQ          | 051700           | 20/6/2019          | Dân tộc Thái      |         |

|       |                        |                       |         |                                                                           |                  |                        |            |                    |                    |                   |         |
|-------|------------------------|-----------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|------------|--------------------|--------------------|-------------------|---------|
| Số tự | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Họ khẩu thường trú                                                        | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành           | Hệ đào tạo | Số hiệu văn bằng   | Ngày tháng năm cấp | Đổi tượng ưu tiên | Ghi chú |
| 21    | Vũ Văn Tú              | 23/3/1986             | Kinh    | Tổ 01, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng                                | Đại học          | Bác sĩ đa khoa         | CQ         | 0006666            | 27/12/2019         | Hoàn thành NVQS   |         |
| 22    | Giàng A Vàng           | 06/10/1994            | Mông    | Bản Trung Đình, xã Huổi Lèng, huyện Mường Chà                             | Đại học          | Bác sĩ đa khoa         | CQ         | 051629             | 20/6/2019          | Dân tộc           |         |
| 23    | Lò Văn Vui             | 20/9/1994             | Thái    | Bản Nậm Că, xã Nà Sáy, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên                    | Đại học          | Bác sĩ đa khoa         | CQ         | 051672             | 20/6/2019          | Dân tộc Thái      |         |
| 2     | Bác sĩ Răng Hàm mặt    |                       |         |                                                                           |                  |                        |            |                    |                    |                   |         |
| 1     | Cư A Chu               | 19/11/1994            | Mông    | Bản Lòng Luông I, xã Mường Phăng, TP Điện Biên Phủ                        | Đại học          | Bác sĩ Răng Hàm Mặt    | CQ         | 106789201805000003 | 01/7/2018          | Dân tộc thiểu số  |         |
| 2     | Nguyễn Thị Thanh Nga   | 20/6/1995             | Kinh    | SN 78-Tổ 7, Phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ                          | Đại học          | Bác sĩ Răng Hàm Mặt    | CQ         | HPMUD000133        | 09/8/2019          |                   |         |
| 3     | Bác sĩ Y học cổ truyền |                       |         |                                                                           |                  |                        |            |                    |                    |                   |         |
| 1     | Đặng Thị Hòa Bình      | 19/7/1995             | Kinh    | SN 277-Tổ 6, Phường Tân thành, TP Điện Biên Phủ                           | Đại học          | Bác sĩ Y học cổ truyền | CQ         | 00346              | 08/8/2019          |                   |         |
| 2     | Nguyễn Trung Đức       | 03/03/1995            | Kinh    | Đội C3, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên                                     | Đại học          | Bác sĩ Y học cổ truyền | CQ         | 00569              | 08/8/2019          |                   |         |
| 4     | Dược sĩ đại học        |                       |         |                                                                           |                  |                        |            |                    |                    |                   |         |
| 1     | Đỗ Thái Bảo            | 19/6/1996             | Kinh    | Xã Quai Tò, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên                               | Đại học          | Dược                   | CQ         | 1526726            | 14/4/2019          |                   |         |
| 2     | Trần Thu Huyền         | 13/4/1994             | Kinh    | SN 142, Khố Tân Thủy, Thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên | Đại học          | Dược                   | CQ         | 0001651            | 06/7/2018          |                   |         |
| 3     | Vũ Thị Thùy Linh       | 07/6/1996             | Kinh    | SN 90-Tổ 01, phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ                           | Đại học          | Dược                   | CQ         | HPMUP000024        | 19/8/2019          |                   |         |
| 4     | Lục Thị Luyến          | 25/01/1993            | Tây     | Cốc Chia, Cảnh Tiên, Trung Khánh, Cao Bằng                                | Đại học          | Dược                   | CQ         | 0001524            | 14/9/2017          | Dân tộc           |         |

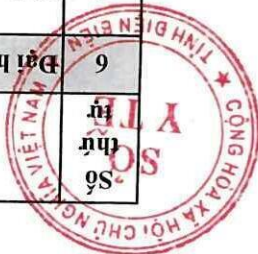






| Số thứ tự | Họ và tên                             | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Hồ khẩu thường trú                                                 | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành            | Hệ đào tạo | Số hiệu văn bằng | Ngày thăng năm cấp | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------------|-----------------------|---------|--------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------|------------|------------------|--------------------|-------------------|---------|
| 5         | Trần Hồng Phương                      | 10/8/1994             | Kinh    | Phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ                               | Đại học          | Dược                    | CQ         | 001921           | 13/9/2019          |                   |         |
| 6         | Đỗ Hồng Quyền                         | 06/6/1994             | Kinh    | Bản Ngọc Lải, xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu          | Đại học          | Dược                    | Liên thông | 026453           | 29/02/2020         |                   |         |
| 7         | Vu Tiến Sỹ                            | 18/8/1995             | Kinh    | SN 39, Thôn Phiêng Bua, Phường Noong Bua, TP Điện Biên Phủ         | Đại học          | Dược                    | CQ         | 001407           | 23/4/2019          |                   |         |
| 8         | Lê Kim Thi                            | 23/7/1994             | Kinh    | Thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên                | Đại học          | Dược                    | Liên thông | 002403           | 03/2/2020          |                   |         |
| 9         | Lê Minh Thu                           | 03/10/1996            | Kinh    | Bản Chọ, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên              | Đại học          | Dược                    | CQ         | 001786           | 21/6/2019          |                   |         |
| 10        | Nguyễn Thị Thủy                       | 08/8/1995             | Kinh    | Thôn 3, xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên                | Đại học          | Dược                    | CQ         | 001969           | 15/01/2020         |                   |         |
| 11        | Nguyễn Thanh Thủy                     | 28/11/1995            | Kinh    | SN 38, tổ 4, Phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ                  | Đại học          | Dược                    | CQ         | 001986           | 15/01/2020         |                   |         |
| 12        | Trần Đức Trung                        | 25/02/1994            | Kinh    | SN 17-Tổ 7-Phường Nam Thanh, TP Điện Biên Phủ                      | Đại học          | Dược                    | CQ         | 027635           | 12/12/2019         |                   |         |
| 13        | Trịnh Ngọc Tú                         | 26/10/1994            | Kinh    | Khối Tân Tiến, Thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên | Đại học          | Dược                    | CQ         | 002755           | 03/2/2020          |                   |         |
| 14        | Lô Thị Tuấn                           | 03/2/1995             | Thái    | Mường Lạn, Mường Ảng, Điện Biên                                    | Đại học          | Dược                    | CQ         | D001716          | 12/06/2019         | Dân tộc           |         |
| 15        | Nguyễn Quý Tùng                       | 29/5/1990             | Kinh    | Bản Hoong En, phường Nam Thanh, TP Điện Biên Phủ                   | Đại học          | Dược                    | CQ         | 026341           | 20/6/2018          |                   |         |
| 5         | Đại học Kỹ thuật Y Chẩn đoán hình ảnh |                       |         |                                                                    |                  |                         |            |                  |                    |                   |         |
| 1         | Trần Công Định                        | 28/10/1996            | Kinh    | SN 83-Tổ 04, phường Thanh Bình, TP Điện Biên Phủ                   | Đại học          | Kỹ thuật hình ảnh Y học | CQ         | 1722039          | 16/8/2018          |                   |         |

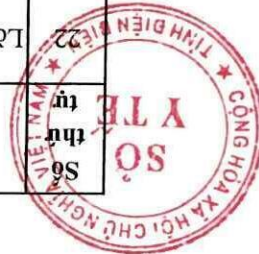
| Số thứ tự | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Hồ khẩu thường trú                                   | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành       | Hệ đào tạo | Số hiệu văn bằng | Ngày thăng năm cấp | Đổi tương đương ưu tiên | Ghi chú |
|-----------|--------------------|-----------------------|---------|------------------------------------------------------|------------------|--------------------|------------|------------------|--------------------|-------------------------|---------|
| 1         | Khúc Ngọc Mạnh     | 10/3/1996             | Kinh    | SN 984-Tổ 2, Phường Mương Thanh, TP Điện Biên Phủ    | Đại học          | Xét nghiệm Y học   | CQ         | 1720624          | 08/8/2018          |                         |         |
| 2         | Lò Văn Phương      | 10/6/1997             | Thái    | Xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo                        | Đại học          | Xét nghiệm Y học   | CQ         | 1795350          | 21/6/2019          | Dân tộc thiểu số        |         |
| 3         | Lê Thị Thu Thảo    | 30/7/1997             | Kinh    | SN 279-Tổ 4, Phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ      | Đại học          | Xét nghiệm Y học   | CQ         | 1795352          | 21/6/2019          |                         |         |
| 4         | Nguyễn Phương Thảo | 16/3/1995             | Kinh    | SN 167-Tổ 3 mới, phường Thanh Bình, TP Điện Biên Phủ | Đại học          | Xét nghiệm Y học   | CQ         | 1670023          | 02/8/2018          |                         |         |
| 7         | Đại học Điện dương |                       |         |                                                      |                  |                    |            |                  |                    |                         |         |
| 1         | Vàng A Dơ          | 18/5/1995             | Mông    | Bản Huổi Sòng, xã Hàng Lía, huyện Điện Biên Đông     | Đại học          | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | 1523374          | 14/7/2017          | Dân tộc thiểu số        |         |
| 2         | Tràng A Dũng       | 05/06/1994            | Mông    | Bản Huổi Lủ I, xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ              | Đại học          | Điều dưỡng         | CQ         | 1719851          | 08/6/2019          | Dân tộc                 |         |
| 3         | Cư A Dũng          | 08/01/1996            | Mông    | Bản Co Lốt, xã Mương Nhé, huyện Mương Nhé            | Đại học          | Điều dưỡng         | CQ         | 1793298          | 15/9/2019          | Dân tộc                 |         |
| 4         | Tòng Văn Dương     | 07/3/1996             | Thái    | Tổ 3, thị trấn Mương Ang, huyện Mương Ang            | Đại học          | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | 1793299          | 15/9/2019          | Dân tộc thiểu số        |         |
| 5         | Hà Thị Mỹ Duyên    | 24/12/1996            | Kinh    | Đội 13a, Thanh Luông, huyện Điện Biên                | Đại học          | Điều dưỡng         | CQ         | 1645754          | 02/7/2018          |                         |         |
| 6         | Thào A Hàng        | 14/4/1995             | Mông    | xã Tả Phìn, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên           | Đại học          | Điều dưỡng         | CQ         | 0053170          | 06/7/2018          | Dân tộc                 |         |
| 7         | Luông Thị Hay      | 18/04/1995            | Thái    | Chiềng Sơ, Điện Biên Đông                            | Đại học          | Điều dưỡng         | CQ         | 1527584          | 10/08/2018         | Dân tộc                 |         |
| 8         | Trần Thu Hiền      | 08/11/1995            | Kinh    | Xã Si Pa Phìn, huyện Mương Chà                       | Đại học          | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | 1793301          | 15/9/2019          |                         |         |







| Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Hồ khẩu thường trú                                       | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành       | Hệ đào tạo | Số hiệu văn bằng | Ngày tháng năm cấp | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|----------------------|-----------------------|---------|----------------------------------------------------------|------------------|--------------------|------------|------------------|--------------------|-------------------|---------|
| Chào A Hoàn          | 18/6/1995             | Dao     | Bản Sín Chải 2, xã Nà Hỳ, huyện Năm Pồ                   | Đại học          | Điều dưỡng         | CQ         | 1527587          | 10/8/2018          | Dân tộc           |         |
| Giảng A Hồng         | 08/2/1994             | Mông    | Bản Hua Sín, xã Chung Chải, huyện Mường Nhé              | Đại học          | Điều dưỡng         | CQ         | 1793304          | 15/9/2019          | Dân tộc           |         |
| Mai Thị Hương        | 29/12/1997            | Kinh    | Thôn Thanh Bình B, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên       | Đại học          | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | 1791239          | 05/9/2019          |                   |         |
| Lương Thị Lả         | 11/12/1994            | Thái    | Bản Co Sán, xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên | Đại học          | Điều dưỡng         | CQ         | 1527591          | 10/8/2018          | Dân tộc           |         |
| Vũ Tô Loan           | 06/10/1995            | Kinh    | Đội C9, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên                  | Đại học          | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | 1522118          | 20/6/2017          |                   |         |
| Lầu A Lừ             | 07/02/1992            | Mông    | Thôn 2, xã Lao Xả Phình, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên  | Đại học          | Điều dưỡng         | CQ         | 1793313          | 15/9/2019          | Dân tộc           |         |
| Trang Thị Ánh Quyền  | 13/12/1996            | Mông    | Tổ 6-Thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà                 | Đại học          | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | 1646060          | 02/7/2018          | Dân tộc           |         |
| Vàng A Sinh          | 13/5/1996             | Mông    | Xã Năm Nhứt, huyện Năm Pồ                                | Đại học          | Điều dưỡng         | CQ         | 1793626          | 28/2/2020          | Dân tộc           |         |
| Phàng A Thịnh        | 06/10/1996            | Mông    | Bản Na Cô Sa 4, xã Na Cô Sa, huyện Năm Pồ                | Đại học          | Điều dưỡng         | CQ         | 1793322          | 19/5/2019          | Dân tộc           |         |
| Lò Văn Thu           | 07/4/1986             | Thái    | Bản Trung tâm, xã Mường Luồn, huyện Điện Biên Đông       | Đại học          | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | 1719838          | 22/01/2019         | Dân tộc           |         |
| Phạm Thị Hoài Thương | 15/8/1996             | Kinh    | SN 404-Tổ 8, Phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ          | Đại học          | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | 17094395         | 22/02/2020         |                   |         |
| Mùa A Trỏ            | 09/7/1993             | Mông    | Bản Trung Súa, xã Kéo Lôm, huyện Điện Biên Đông          | Đại học          | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | 1636853          | 10/8/2018          | Dân tộc           |         |
| Nguyễn Thị Tú        | 24/9/1997             | Kinh    | Tổ 3, Phường Thanh Bình, Thành phố Điện Biên Phủ         | Đại học          | Điều dưỡng         | CQ         | 1821506          | 20/6/2019          |                   |         |



| Số<br>thứ<br>tự | Họ và tên                 | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Dân tộc | Hồ khẩu thường trú                                           | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành                 | Hệ đào<br>tạo | Số hiệu<br>văn bằng | Ngày thăng<br>năm cấp | Đổi tương<br>ưu tiên | Ghi chú             |
|-----------------|---------------------------|-----------------------------|---------|--------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------|---------------|---------------------|-----------------------|----------------------|---------------------|
| 8               | Kỹ sư Công nghệ thực phẩm |                             |         |                                                              |                     |                              |               |                     |                       |                      |                     |
| 1               | Nguyễn Đình Hiếu          | 05/4/1997                   | Kinh    | SN 213-tổ 6, Phường Tân Thanh,<br>TP Điện Biên Phủ           | DH                  | Công nghệ thực<br>phẩm       |               |                     | 01/8/2019             |                      |                     |
| 2               | Nguyễn Thị Lan Hương      | 22/10/1995                  | Kinh    | Xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên                                | Đại học             | Kỹ sư Công<br>nghệ thực phẩm |               |                     | 08/8/2017             |                      |                     |
| 3               | Lò Thị Thanh              | 14/6/1997                   | Thái    | Đội 12, xã Thanh Nưa, huyện<br>Điện Biên                     | Đại học             | Kỹ sư Công<br>nghệ thực phẩm |               |                     | 12/4/2019             |                      | Dân tộc<br>thiếu số |
| 9               | Dược Cao đẳng             |                             |         |                                                              |                     |                              |               |                     |                       |                      |                     |
| 1               | Nguyễn Thanh Bình         | 12/3/1991                   | Kinh    | Số 8, hẻm 9/24, ngõ 73 Nguyễn<br>Lương Bằng, Đông Đa, Hà Nội | Cao đẳng            | Dược                         |               | B795123             | 06/9/2017             |                      |                     |
| 2               | Vàng A Cua                | 20/5/1995                   | Mông    | Xã Huổi Sô, huyện Tủa Chùa,<br>tỉnh Điện Biên                | Cao đẳng            | Dược                         | Liên thông    | F000018             | 25/12/2018            |                      | Dân tộc             |
| 3               | Chiu Hải Đăng             | 25/7/1997                   | Thái    | Thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần<br>Giáo, tỉnh Điện Biên       | Cao đẳng            | Dược                         |               | B957398             | 18/7/2018             |                      | Dân tộc             |
| 4               | Phà A Dề                  | 25/10/1992                  | Mông    | Bản Thăm Xết, xã Co Tòng,<br>huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La   | Cao đẳng            | Dược                         |               | B713934             | 05/8/2016             |                      | Dân tộc             |
| 5               | Lường Thị Dung            | 11/11/1998                  | Thái    | Xã Mường Thín, huyện Tuần<br>Giáo, tỉnh Điện Biên            | Cao đẳng            | Dược                         |               | B1094057            | 15/8/2019             |                      | Dân tộc             |
| 6               | Tòng Thị Giang            | 11/11/1997                  | Thái    | Bản Lạn, xã Mường Lạn, huyện<br>Mường Ảng, tỉnh Điện Biên    | Cao đẳng            | Dược                         |               | B843840             | 18/6/2018             |                      | Dân tộc             |





| Số thứ tự | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú                                  | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành | Hệ đào tạo | Số hiệu văn bằng | Ngày tháng năm cấp | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----------|--------------------|-----------------------|---------|-----------------------------------------------------|------------------|--------------|------------|------------------|--------------------|-------------------|---------|
| 8         | Điều Thị Ngân Hà   | 11/12/1993            | Thái    | Bản Huội Phạ, Phường Hím Lam, TP Điện Biên Phủ      | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | F001115          | 15/7/2019          | Dân tộc thiểu số  |         |
| 9         | Đỗ Thị Hoa         | 10/3/1997             | Kinh    | SN 82-Tổ 5, phường Thanh Bình, TP Điện Biên Phủ     | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B1028697         | 20/9/2018          |                   |         |
| 10        | Vũ Thị Minh Hòa    | 15/6/1997             | Kinh    | Phường Nam Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên  | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B957863          | 24/7/2018          |                   |         |
| 11        | Bùi Thị Thanh Hồng | 22/12/1997            | Kinh    | Đồng Thịnh, Minh Đài, Tân Sơn, Phú Thọ              | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B1050744         | 26/9/2018          |                   |         |
| 12        | Mào Thị Huệ        | 05/2/1998             | Thái    | Bản Phiêng Kham, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé      | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B1102888         | 05/9/2019          | Dân tộc           |         |
| 13        | Lương Văn Hùng     | 10/10/1990            | Thái    | Bản Ên, xã Quải Tỏ, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | F000061          | 25/12/2018         | Dân tộc           |         |
| 14        | Lò Thị Hưng        | 05/6/1997             | Thái    | Nà Lầu, Búng Lao, Mường Ảng                         | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B1062739         | 29/8/2019          | dân tộc           |         |
| 15        | Vũ Văn Hương       | 04/10/1988            | Lào     | Xuân Lao, Mường Ảng, Điện Biên                      | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | A519109          | 23/10/2013         | Dân tộc           |         |
| 16        | Lương Thu Huyền    | 13/10/1998            | Thái    | Xã Quải Cang, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên       | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B1102991         | 05/9/2019          | Dân tộc           |         |
| 17        | Vũ Văn Kiên        | 05/01/1998            | Kinh    | Đội 5A, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên             | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B1062890         | 29/8/2019          |                   |         |
| 18        | Nguyễn Sĩ Kiên     | 07/6/1996             | Kinh    | Tổ 04, phường Thanh Trường, TP Điện Biên Phủ        | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | YSL0000219       | 25/10/2019         |                   |         |
| 19        | Quảng Thị Lan      | 15/8/1997             | Thái    | Đội 17, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên               | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B929443          | 07/7/2018          | dân tộc           |         |



| Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú                                                | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành | Hệ đào tạo | Số hiệu văn bằng | Ngày tháng năm cấp | Đổi tương đương ưu tiên  | Ghi chú |
|---------------------|-----------------------|---------|-------------------------------------------------------------------|------------------|--------------|------------|------------------|--------------------|--------------------------|---------|
| Giàng A Lau         | 29/3/1991             | Mông    | Bản Tia Dình 2, xã Tia Dình, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | F000077          | 25/12/2018         | Dân tộc                  |         |
| Lương Phương Liên   | 01/5/1996             | Thái    | Bản Chơ, xã Búng Lao, huyện Tuần Giáo                             | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | QP000465         | 16/10/2019         | Dân tộc thiểu số         |         |
| Nguyễn Thùy Linh    | 12/6/1995             | Kinh    | Tổ 8, Phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ                        | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | F001958          | 25/8/2019          |                          |         |
| Dương Thị Thùy Linh | 07/01/1995            | Kinh    | Khởi 20/7, Thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo                    | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B743338          | 21/9/2016          |                          |         |
| Trần Đức Lương      | 27/5/1998             | Kinh    | Phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ                              | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B1051972         | 22/07/2019         |                          |         |
| Lò Thị Thanh Nga    | 28/9/1991             | Thái    | Đội 15, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên                           | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | F001143          | 15/7/2019          | Dân tộc thiểu số         |         |
| Bùi Thị Thu Nhung   | 02/11/1995            | Kinh    | Số nhà 39, Tổ 13, Phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ            | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B742913          | 28/6/2016          |                          |         |
| Lò Thị Nhung        | 10/6/1996             | Thái    | Bản Chơ, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng                             | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B787023          | 04/8/2017          | Dân tộc                  |         |
| Vì Thị Nở           | 20/10/1995            | Thái    | Bản Đông Mết 1, xã Pá Khoang, TP Điện Biên Phủ                    | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | F001140          | 15/7/2019          | Dân tộc thiểu số         |         |
| Giàng Chử Nu        | 04/2/1997             | Hà Nhi  | xã Chung Chải, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên                    | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B1102958         | 05/9/2019          | Con TB, Dân tộc thiểu số |         |
| Phàng A Phua        | 04/6/1997             | Mông    | Bản Na Cỏ Sa 4, xã Na Cỏ Sa, huyện Nậm Pồ                         | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B1054000         | 18/7/2019          | Dân tộc                  |         |



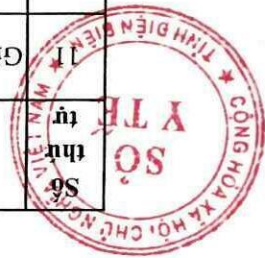
| Số thứ tự | Họ và tên               | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Hộ khẩu thường trú                                                 | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành | Hệ đào tạo | Số hiệu văn bằng | Ngày tháng năm cấp | Đổi tương đương | Ghi chú  |
|-----------|-------------------------|-----------------------|---------|--------------------------------------------------------------------|------------------|--------------|------------|------------------|--------------------|-----------------|----------|
| 31        | Mùa A Sinh              | 14/8/1994             | Mông    | Bản Khố Bua, xã Pù Nhung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên          | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B713950          | 05/8/2016          | Dân tộc         |          |
| 32        | Đỗ Văn Sở               | 13/7/1994             | Kinh    | Đội 6, xã Thanh An, huyện Điện Biên                                | Cao đẳng         | Dược         | VL.VH      | A000227          | 10/6/2019          |                 |          |
| 33        | Lương Thị Thanh         | 05/8/1997             | Thái    | Bản Phiêng Múa, xã Năm Chua, huyện Năm Pồ                          | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B961059          | 18/7/2018          | Dân tộc         |          |
| 34        | Nguyễn Thị Phương Thanh | 02/11/1998            | Kinh    | SN 01, Phố 6, Phường Noong Bua, TP Điện Biên Phủ                   | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B1110929         | 09/9/2019          |                 |          |
| 35        | Hà Văn Thành            | 05/4/1998             | Thái    | Bản Co Pao, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên                          | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B1094092         | 15/8/2019          | Dân tộc         | thiếu số |
| 36        | Phạm Thị Thoa           | 05/7/1996             | Kinh    | Đội 7, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên                               | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B866079          | 21/8/2017          |                 |          |
| 37        | Nguyễn Đình Thực        | 07/1/1997             | Kinh    | Thôn A2, xã Noong Luông, huyện Điện Biên                           | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | YDC000306        | 05/9/2019          |                 |          |
| 38        | Nguyễn Thị Thương       | 11/8/1992             | Kinh    | Đội 25, xã Noong Hết, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên              | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | F001180          | 15/7/2019          |                 |          |
| 39        | Bùi Thanh Thủy          | 08/10/1989            | Kinh    | SN 660-Tổ 01, Phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ                   | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | F00019           | 25/12/2018         |                 |          |
| 40        | Lò Thị Thủy             | 10/10/1998            | Thái    | Xã Leng Su Sìn, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên                    | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | B1094041         | 15/8/2019          | Dân tộc         |          |
| 41        | Quảng Thị Tình          | 15/02/1991            | Thái    | Phố Quyết Thắng, Thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | F001974          | 25/8/2019          | Dân tộc         |          |
| 42        | Trần Thị Tình           | 22/05/1986            | Kinh    | SN 40-Tổ 03, Phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ                  | Cao đẳng         | Dược         | CQ         | F001166          | 15/7/2019          |                 |          |



|       |                                        |                       |         |                                                  |                         |                  |                    |                   |         |
|-------|----------------------------------------|-----------------------|---------|--------------------------------------------------|-------------------------|------------------|--------------------|-------------------|---------|
| Số tự | Họ và tên                              | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Hệ đào tạo                                       | Chuyên ngành            | Số hiệu văn bằng | Ngày tháng năm cấp | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
| 43    | Giảng A Tư                             | 21/8/1998             | Mông    | Thôn 2, xã Sinh Phìn, huyện Tủa Chùa             | Dược                    | B958993          | 09/5/2019          | Dân tộc           |         |
| 10    | Cao đẳng Kỹ thuật Y chẩn đoán hình ảnh |                       |         |                                                  |                         |                  |                    |                   |         |
| 1     | Lò Văn Xuân                            | 18/02/1994            | Thái    | Bản Môn, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên         | Kỹ thuật hình ảnh Y học | B648262          | 16/8/2016          | Dân tộc           |         |
| 11    | Cao đẳng Điều dưỡng                    |                       |         |                                                  |                         |                  |                    |                   |         |
| 1     | Lò Thị An                              | 09/9/1998             | Thái    | Bản Hiếu, xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo        | Điều dưỡng              | B1100730         | 12/7/2019          | Dân tộc           |         |
| 2     | Tổng Thị Thủy An                       | 17/4/1996             | Kinh    | Đội 3a Công hòa, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên | Điều dưỡng              | A714366          | 18/8/2017          |                   |         |
| 3     | Lò Thị An                              | 02/8/1995             | Thái    | Bản Mương Anh II, xã Pa Ham, huyện Mường Chà     | Điều dưỡng              | B714367          | 18/8/2017          | Dân tộc           |         |
| 4     | Điều Thị Bạch                          | 26/3/1994             | Thái    | Phường Thanh Trường, TP Điện Biên Phủ, Điện Biên | Điều dưỡng              | B544373          | 16/8/2016          | Dân tộc           |         |
| 5     | Nguyễn Thị Ban                         | 14/11/1994            | Kinh    | Đội 4, xã Thanh Hums, huyện Điện Biên            | Điều dưỡng đa khoa      | B544423          | 12/8/2015          |                   |         |
| 6     | Thào A Cầu                             | 17/7/1995             | Mông    | Xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên     | Điều dưỡng              | B1100702         | 12/7/2019          | Dân tộc           |         |
| 7     | Thào A Chàng                           | 07/3/1997             | Mông    | xã Si Pa Phìn, huyện Nậm Pồ                      | Điều dưỡng              | B951842          | 17/9/2018          | Dân tộc           |         |
| 8     | Trần Thị Minh Châu                     | 21/11/1991            | Kinh    | Tổ 6, phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ         | Điều dưỡng đa khoa      | C00047           | 03/12/2019         |                   |         |
| 9     | Cả Văn Chính                           | 25/6/1994             | Thái    | Đội 11, xã Thanh An, huyện Điện Biên             | Điều dưỡng đa khoa      | B544394          | 12/8/2015          | Dân tộc           |         |
| 10    | Tổng Thị Chính                         | 18/2/1994             | Thái    | Bản Hới, xã Quai Tở, huyện Tuần Giáo             | Điều dưỡng              | B544420          | 12/8/2015          | Dân tộc           |         |

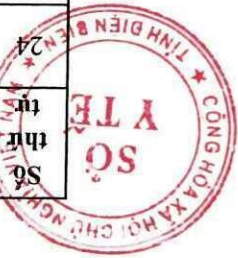






| Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Hồ khẩu thường trú                                      | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành       | Hệ đào tạo | Số hiệu văn bằng | Ngày thăng năm cấp | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----------|-----------------------|---------|---------------------------------------------------------|------------------|--------------------|------------|------------------|--------------------|-------------------|---------|
| 12        | Lò Văn Công           | Thái    | Bản Môn, xã Quài Tở, huyện Thuận Giáo                   | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | VLVH       | B1014979         | 26/10/2018         | Dân tộc           |         |
| 13        | Vư Thị Cù             | Mông    | Bản Chùa Ta A, xã Phi Nhựt, huyện Điện Biên Đông        | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B544371          | 16/8/2016          | Dân tộc           |         |
| 14        | Vàng A Cương          | Mông    | Bản Nậm Chim I, xã Sĩ Pa Phìn, huyện Nậm Pồ             | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B714374          | 18/8/2017          | Dân tộc           |         |
| 15        | Lò Thị Đại            | Thái    | Khởi Trường Xuân, Thị trấn Thuận Giáo, huyện Thuận Giáo | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | A532360          | 04/10/2013         | Dân tộc           |         |
| 16        | Ma Thị Dè             | Mông    | Bản Lịch I, xã Xã Nhè, huyện Thuận Giáo                 | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B929117          | 18/6/2018          | Dân tộc           |         |
| 17        | Thảo Thị Dĩa          | Mông    | Bản Pu Lau, xã Mường Nhà, huyện Điện Biên               | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B851361          | 20/8/2018          | Dân tộc thiểu số  |         |
| 18        | Lầu Thị Dợ            | Mông    | Bản Phiêng Pì, xã Pú Nhung, huyện Thuận Giáo            | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B851362          | 20/8/2018          | Dân tộc           |         |
| 19        | Trà Thị Dợ            | Mông    | Bản Ten Hôn, xã Tênh Phông, huyện Thuận Giáo            | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B851312          | 18/8/2017          | Dân tộc           |         |
| 20        | Thảo A Dự             | Mông    | Bản Huổi Tởng II, xã Huổi Lêng, huyện Mường Chà         | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B957807          | 24/7/2018          | Dân tộc           |         |
| 21        | Giàng A Dừng          | Mông    | Bản Nậm Chùa 4, xã Nậm Chùa, huyện Nậm Pồ               | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1014905         | 20/8/2018          | Dân tộc           |         |
| 22        | Lò Văn Dũng           | Thái    | Bản Bỏ En, Thị trấn Thuận Giáo, huyện Thuận Giáo        | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1100733         | 12/7/2019          | Dân tộc           |         |
| 23        | Lò Văn Dương          | Thái    | Đội 7, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên                   | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B544368          | 16/8/2016          | Dân tộc           |         |

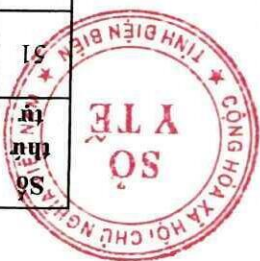
| Số<br>thứ<br>tự | Họ và tên        | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Dân tộc  | Họ khẩu thường trú                                      | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành          | Hệ đào<br>tạo | Số hiệu<br>văn bằng | Ngày tháng<br>năm cấp | Đổi tượng<br>ưu tiên | Ghi chú |
|-----------------|------------------|-----------------------------|----------|---------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|---------------|---------------------|-----------------------|----------------------|---------|
| 24              | Lò Thị Duyên     | 01/9/1993                   | Thái     | Phường Na Lay, Thị xã Mường<br>Lay                      | Cao đẳng            | Điều dưỡng            | CQ            | B925236             | 30/01/2018            | Dân tộc              |         |
| 25              | Vàng A Hà        | 06/12/1997                  | Mông     | Bản Lai Khương, xã Nà Hy,<br>huyện Nậm Pồ               | Cao đẳng            | Điều dưỡng            | CQ            | B1100734            | 12/7/2019             | Dân tộc              |         |
| 26              | Hoàng Thu Hải    | 19/9/1996                   | Kinh     | SN 76-Tổ 01, phường Nam<br>Thanh, TP Điện Biên Phủ      | Cao đẳng            | Điều dưỡng đa<br>khoa | CQ            | B851314             | 18/7/2017             |                      |         |
| 27              | Mai Thị Hải      | 06/6/1983                   | Kinh     | SN 233, tổ 10, Phường Thanh<br>Trương, TP Điện Biên Phủ | Cao đẳng            | Điều dưỡng            | VLVH          | C00052              | 03/12/2019            |                      |         |
| 28              | Lại Thị Thu Hải  | 11/3/1991                   | Kinh     | Đội 6, xã Thanh Xương, huyện<br>Điện Biên               | Cao đẳng            | Điều dưỡng            | CQ            | A271831             | 12/7/2013             |                      |         |
| 29              | Nguyễn Văn Hải   | 18/8/1997                   | Kinh     | Thôn 5, xã Póm Lót, huyện Điện<br>Biên                  | Cao đẳng            | Điều dưỡng            | CQ            | B1014869            | 20/8/2018             |                      |         |
| 30              | Quảng Thị Hằng   | 15/01/1993                  | Thái     | Xã Quai Cang, huyện Tuần Giáo,<br>tỉnh Điện Biên        | Cao đẳng            | Điều dưỡng đa<br>khoa | CQ            | B297369             | 25/9/2014             | Dân tộc<br>thiếu số  |         |
| 31              | Phạm Thị Hiền    | 12/6/1996                   | Kinh     | SN 118-Tổ 4, phường Thanh<br>Bình, TP Điện Biên Phủ     | Cao đẳng            | Điều dưỡng đa<br>khoa | CQ            | B851316             | 18/8/2017             |                      |         |
| 32              | Quảng Thị Hoa    | 06/10/1998                  | Thái     | Bản Ban, xã Quải Tở, huyện<br>Tuần Giáo                 | Cao đẳng            | Điều dưỡng            | CQ            | B1100708            | 12/7/2019             | Dân tộc              |         |
| 33              | Hoàng Việt Hòa   | 22/9/1998                   | Thái     | Bản Noong Chum, Phường Nam<br>Thanh, TP Điện Biên Phủ   | Cao đẳng            | Điều dưỡng            | CQ            | B1100737            | 12/7/2019             | Dân tộc              |         |
| 34              | Sản Seo Hòa      | 21/3/1995                   | Xá phang | Xã Huổi Lèng, huyện Mường<br>Chà                        | Cao đẳng            | Điều dưỡng            | CQ            | B851318             | 18/8/2017             | Dân tộc              |         |
| 35              | Quảng Thị Hoan   | 20/6/1990                   | Thái     | Bản Huổi Xa, xã Keo Lôm,<br>huyện Điện Biên Đông        | Cao đẳng            | Điều dưỡng đa<br>khoa | CQ            | A532388             | 04/10/2013            | Dân tộc<br>thiếu số  |         |
| 36              | Nguyễn Duy Hoàng | 05/12/1990                  | Kinh     | Bản Quyết Tiến, Búng Lao,<br>Mường Ảng, Điện Biên       | Cao đẳng            | Điều dưỡng            | VLVH          | B1014971            | 26/10/2018            |                      |         |





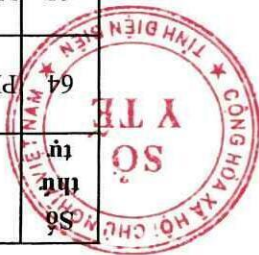
|    |                      |                       |         |                                                    |                  |                    |            |                  |                    |                   |          |
|----|----------------------|-----------------------|---------|----------------------------------------------------|------------------|--------------------|------------|------------------|--------------------|-------------------|----------|
| Số | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Hồ khẩu thường trú                                 | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành       | Hệ đào tạo | Số hiệu văn bằng | Ngày tháng năm cấp | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú  |
| 37 | Quang Văn Hoàng      | 20/01/1998            | Thái    | Đội 1, xã Noong Hết, huyện Điện Biên               | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1100738         | 12/7/2019          | Dân tộc           |          |
| 38 | Trần Thị Hồng        | 20/01/1992            | Kinh    | Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | A532367          | 04/10/2013         |                   |          |
| 39 | Lò Thị Hồng          | 20/4/1996             | Thái    | Bản Co Thôn, Xã Pả Khoang, TP Điện Biên Phủ        | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B908862          | 24/5/2017          | Dân tộc           |          |
| 40 | Vàng A Hù            | 25/11/1994            | Mông    | Bản Pu Lau, xã Mường Nhà, huyện Điện Biên          | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B714353          | 16/8/2016          | Dân tộc           |          |
| 41 | Quang Thị Xuân Hương | 26/01/1998            | Thái    | SN 05, Bản Hoong En, phường Nam Thanh, TP DBP      | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B1100739         | 12/7/2019          | Dân tộc           |          |
| 42 | Lương Thị Hương      | 25/9/1996             | Thái    | Bản Co Cỏ, xã Ảng Tở, huyện Mường Ảng              | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B851321          | 18/8/2017          | Dân tộc           | thiếu số |
| 43 | Vũ Thị Hương         | 03/12/1996            | Kinh    | Tổ 6, Phường Nam Thanh, TP Điện Biên Phủ           | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1014873         | 20/8/2018          |                   |          |
| 44 | Lương Thị Khanh      | 20/6/1997             | Thái    | Bản Thín B, xã Mường Thín, huyện Tuần Giáo         | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1014875         | 20/8/2018          | Dân tộc           |          |
| 45 | Phạm Thị Khánh       | 06/11/1998            | Kinh    | Bản Huổi Cánh, xã Thanh An, huyện Điện Biên        | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1100741         | 12/7/2019          |                   |          |
| 46 | Lò Văn Khuyên        | 12/10/1985            | Thái    | Đội 4 Chiềng Chung, xã Thanh An, huyện Điện Biên   | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | 908841           | 24/5/2017          | Dân tộc           |          |
| 47 | Hồ Văn Kim           | 05/11/1996            | Thái    | Bản Nà Pả, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé           | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1014877         | 20/8/2018          | Dân tộc           |          |
| 48 | Lương Thị Ngọc Liễu  | 07/8/1998             | Kinh    | C9a, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên               | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B1100712         | 12/7/2019          |                   |          |
| 49 | Vũ A Kỳ              | 05/12/1995            | Mông    | Xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên       | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1014878         | 20/8/2018          | Dân tộc           |          |
| 50 | Giảng A Kỳ           | 18/9/1989             | Mông    | xã Nà Bùng, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên           | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | A532391          | 04/10/2013         | Dân tộc           |          |





| Số thứ tự | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Hồ khẩu thường trú                                  | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành       | Hệ đào tạo | Số hiệu văn bằng | Ngày thăng năm cấp | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----------|---------------------|-----------------------|---------|-----------------------------------------------------|------------------|--------------------|------------|------------------|--------------------|-------------------|---------|
| 51        | Giảng Thị Lã        | 09/10/1997            | Mông    | Bản Mỹ Lăng B, xã Phình Sáng, huyện Thuận Giao      | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1100742         | 12/7/2019          | Dân tộc           |         |
| 52        | Chào Lữ Lang        | 20/5/1998             | Dao     | Bản Sín Chải 2, xã Nà Hy, huyện Nậm Pồ              | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1100710         | 12/7/2019          | Dân tộc           |         |
| 53        | Lò Văn Linh         | 02/01/1998            | Thái    | Bản Nà Tàu 3, xã Nà Tàu, TP Điện Biên Phủ           | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B1100713         | 12/7/2019          | Dân tộc thiểu số  |         |
| 54        | Giảng A Lông        | 02/08/1995            | Mông    | Thôn Lầu Cầu Phình, xã Lao Xả Phình, huyện Tủa Chùa | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B847380          | 10/7/2017          | Dân tộc           |         |
| 55        | Sùng A Lông         | 30/5/1995             | Mông    | Máy Hóc, Phìn Hồ, Nậm Pồ                            | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B847381          | 10/7/2017          | Dân tộc           |         |
| 56        | Nguyễn Thị Thùy Ly  | 08/01/1996            | Kinh    | Tổ 02, phường Noong Bua, TP Điện Biên Phủ           | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B851327          | 18/8/2017          |                   |         |
| 57        | Lý Mè Ly            | 07/5/1996             | Hà Nhi  | xã Mù Cạ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu             | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B951917          | 17/9/2018          | Dân tộc           |         |
| 58        | Hồ A Ly             | 07/2/1993             | Mông    | Bản Trung Dình, xã Huổi Lèng, huyện Mường Chà       | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B297355          | 25/9/2014          | Dân tộc           |         |
| 59        | Sùng A Mang         | 03/03/1996            | Mông    | Bản Hua Mực II, xã Pú Xi, huyện Thuận Giao          | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1100714         | 12/7/2019          | Dân tộc           |         |
| 60        | Lương Văn Minh      | 10/11/1995            | Thái    | Bản Co Cỏ, xã Áng Tở, huyện Mường Ảng               | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B851329          | 18/8/2017          | Dân tộc thiểu số  |         |
| 61        | Lò Thị Muôn         | 12/5/1993             | Thái    | Bản Che Phai 3, Chiềng Sinh, Thuận Giao             | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B297379          | 25/9/2014          | Dân tộc           |         |
| 62        | Nguyễn Thị Hằng Nga | 31/10/1996            | Kinh    | Tổ 9, Phường Hầm Lam, TP Điện Biên Phủ              | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B835844          | 24/7/2017          |                   |         |
| 63        | Quảng Văn Ngân      | 27/7/1993             | Thái    | Bản Nà Nọi 2, xã Nà Nhàn, TP Điện Biên Phủ          | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B297381          | 25/9/2014          | Dân tộc           |         |





|           |                           |         |                                                    |                  |                    |            |                  |                    |                         |         |
|-----------|---------------------------|---------|----------------------------------------------------|------------------|--------------------|------------|------------------|--------------------|-------------------------|---------|
| Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh     | Dân tộc | Hồ khẩu thường trú                                 | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành       | Hệ đào tạo | Số hiệu văn bằng | Ngày tháng năm cấp | Đổi tương đương ưu tiên | Ghi chú |
| 64        | Phạm Thị Ngọc             | Kinh    | Tổ 01, xã Thanh Minh, TP Điện Biên Phủ             | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | A532377          | 04/10/2013         |                         |         |
| 65        | Nguyễn Thị Nhân           | Kinh    | Đội 7, xã Thanh Chấn, huyện Điện Biên              | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B734405          | 20/7/2016          |                         |         |
| 66        | Đào Thị Nhung             | Kinh    | Xã Thanh Xương, huyện Điện Biên                    | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B851334          | 18/8/2017          |                         |         |
| 67        | Cà Thị Nhung              | Thái    | Bản Bành, xã Mường Phăng, TP Điện Biên Phủ         | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B1014887         | 20/8/2018          | Dân tộc thiểu số        |         |
| 68        | Long Thị Nhung            | Tày     | Bản Mường Toong 3, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | A040564          | 10/7/2012          | Dân tộc                 |         |
| 69        | Bác Thị Nhung             | Thái    | Đội 6, xã Pom Lót, huyện Điện Biên                 | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B544412          | 12/8/2015          | Dân tộc                 |         |
| 70        | Vàng A Nù                 | Mông    | Bản Lịch 1, xã Xã Nhé, huyện Tủa Chùa              | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1014888         | 20/8/2018          | Dân tộc                 |         |
| 71        | Lò Thị Oanh               | Thái    | Bản Sải Ngòi, xã Quải Cang, huyện Tuần Giáo        | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1014889         | 20/8/2018          | Dân tộc                 |         |
| 72        | Lò Văn Ở                  | Thái    | Bản Đông Mết, xã Pá Khoang, huyện Điện Biên        | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B544382          | 12/8/2015          | Dân tộc                 |         |
| 73        | Lò Văn Phong              | Thái    | Bản Nà Láo, xã Nà Tấu, TP Điện Biên Phủ            | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B544380          | 12/8/2015          | Dân tộc thiểu số        |         |
| 74        | Lường Văn Phú             | Thái    | Đội 11, xã Thanh An, huyện Điện Biên               | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1100717         | 12/7/2019          | Dân tộc                 |         |
| 75        | Quảng Thị Trang<br>Phuong | Thái    | Đội 18, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên             | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B851337          | 18/8/2017          | Dân tộc                 |         |
| 76        | Lò Thị Phương             | Thái    | Xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo                      | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1014891         | 20/8/2018          | Dân tộc                 |         |

| Số thứ tự | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Họ khẩu thường trú                                 | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành       | Hệ đào tạo | Số hiệu văn bằng | Ngày tháng năm cấp | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----------|-----------------------|-----------------------|---------|----------------------------------------------------|------------------|--------------------|------------|------------------|--------------------|-------------------|---------|
| 77        | Nguyễn Thị Quyên      | 03/5/1990             | Kinh    | Tổ 3, Thị trấn Mương Chả, huyện Mương Chả          | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | VL.VH      | B1014986         | 26/10/2018         |                   |         |
| 78        | Vì Văn Quyết          | 09/11/1997            | Thái    | Đội 10b, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên             | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1014893         | 20/8/2018          | Dân tộc           |         |
| 79        | Vừ Thị Sinh           | 28/02/1994            | Mông    | Bản Hồ Chim II, xã Ma Thỉ Hồ, huyện Mương Chả      | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B713774          | 05/8/2016          | Dân tộc           |         |
| 80        | Đieu Chính Sơn        | 10/10/1998            | Thái    | Bản Tân Phong, Thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa   | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1100751         | 12/7/2019          | Dân tộc           |         |
| 81        | Giàng Seo Sứ          | 09/4/1992             | Mông    | Bản Huổi Dao, xã Văng Đán, huyện Nậm Pồ            | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1014895         | 20/8/2018          | Dân tộc           |         |
| 82        | Lò Văn Tâm            | 12/6/1994             | Thái    | Đội 9, xã Hua Thanh, huyện Điện Biên               | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B714332          | 16/8/2016          | Dân tộc thiếu số  |         |
| 83        | Lò Văn Tập            | 19/10/1995            | Thái    | Bản Đun Nưa, xã Mương Đun, huyện Tủa Chùa          | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B847387          | 10/7/2017          | Dân tộc           |         |
| 84        | Giàng A Tênh          | 18/10/1995            | Mông    | Bản Ten Lán, Sam Kha, Sốp Cộp, Sơn La              | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B713778          | 05/8/2016          | Dân tộc           |         |
| 85        | Lò Văn Thành          | 01/05/1997            | Kháng   | Bản Trăm Cù, xã Ta Ma, huyện Tuần Giáo             | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1014897         | 20/8/2018          | Dân tộc           |         |
| 86        | Đào Thị Thảo          | 19/03/1992            | Kinh    | Tổ 8, thị trấn Mương Ảng, huyện Mương Ảng          | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B988440          | 18/7/2018          |                   |         |
| 87        | Lương Thị Phương Thảo | 14/7/1992             | Thái    | Đội 6, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên             | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | A532380          | 04/10/2013         | Dân tộc           |         |
| 88        | Nguyễn Thị Thảo       | 26/8/1996             | Kinh    | Đội 12b, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên             | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B866456          | 21/8/2017          |                   |         |
| 89        | Lò Thị Thiết          | 12/9/1991             | Thái    | SN 05-Tổ 01, Phường Thanh Trường, TP Điện Biên Phủ | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | A532396          | 04/10/2013         | Dân tộc thiếu số  |         |







| Số thứ tự | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Dân tộc | Hồ khẩu thường trú                                 | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành       | Hệ đào tạo | Số hiệu văn bằng | Ngày thăng năm cấp | Đối tượng ưu tiên | Chỉ chú |
|-----------|-----------------------|-----------------------|---------|----------------------------------------------------|------------------|--------------------|------------|------------------|--------------------|-------------------|---------|
| 90        | Hà Thị Thơm           | 16/6/1996             | Kinh    | xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu        | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1100724         | 12/7/2019          |                   |         |
| 91        | Nông Thị Phương Thủy  | 01/9/1994             | Thổ     | Thôn C2-Yên Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên  | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B544400          | 12/8/2015          | Dân tộc thiểu số  |         |
| 92        | Lò Văn Thủy           | 22/7/1998             | Thái    | Bản Huổi Súa, xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng         | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B1100752         | 12/7/2019          | Dân tộc thiểu số  |         |
| 93        | Quảng Thị Thủy        | 12/9/1998             | Thái    | Đội 18, xã Noong Hết, huyện Điện Biên              | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B1100725         | 12/7/2019          | Dân tộc thiểu số  |         |
| 94        | Lù Thị Toàn           | 23/9/1993             | Thái    | Bản Quan Chiêng, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay   | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B297408          | 25/9/2014          | Dân tộc           |         |
| 95        | Quảng Thị Trang       | 09/4/1998             | Thái    | Bản Pong, xã Mường Ảng, huyện Mường Ảng            | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B1100753         | 12/7/2019          | Dân tộc thiểu số  |         |
| 96        | Bảo Thị Trang         | 08/10/1995            | Kinh    | Đội 4, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên               | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B734641          | 20/7/2016          |                   |         |
| 97        | Lò Thị Thu Trang      | 16/01/1997            | Thái    | Bản Pả Hè, xã Hè Muông, huyện Điện Biên            | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1014899         | 20/8/2018          | Dân tộc           |         |
| 98        | Giàng A Tro           | 29/7/1994             | Mông    | bản Pu Sút, xã Sam Kha, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B847437          | 10/7/2017          | Dân tộc           |         |
| 99        | Hồ A Tú               | 07/01/1995            | Mông    | Bản Hua Nà, xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo        | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B851345          | 18/8/2017          | Dân tộc           |         |
| 100       | Lường Thị Thanh Tuyền | 20/8/1998             | Thái    | SN 292-Tổ 9, phường Him Lam, TP Điện Biên Phủ      | Cao đẳng         | Điều dưỡng đa khoa | CQ         | B1100727         | 12/7/2019          | Dân tộc thiểu số  |         |
| 101       | Vừ Thị Hồng Vân       | 18/8/1998             | Kinh    | SN 283, tổ 6, Phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ   | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B1100728         | 12/7/2019          |                   |         |
| 102       | Thào A Xà             | 19/3/1993             | Mông    | Xã Sinh Phình, Huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên      | Cao đẳng         | Điều dưỡng         | CQ         | B713882          | 05/8/2016          | Dân tộc           |         |

| Số<br>thứ<br>tự | Họ và tên        | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Dân tộc | Họ khẩu thường trú                               | Trình độ<br>đào tạo | Chuyên ngành          | Hệ đào<br>tạo | Số hiệu<br>văn bằng | Ngày thăng<br>năm cấp | Đổi tương<br>ưu tiên | Ghi chú |
|-----------------|------------------|-----------------------------|---------|--------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|---------------|---------------------|-----------------------|----------------------|---------|
| 103             | Hàng Thị Xê      | 19/11/1998                  | Mông    | Bản Hàng Trọ, xã Pu Nhi, huyện<br>Điện Biên Đông | Cao đẳng            | Điều dưỡng đa<br>khoa | CQ            | B1100729            | 12/7/2019             | Dân tộc<br>thiểu số  |         |
| 104             | Lò Thị Xoan      | 02/7/1992                   | Thái    | xã Mường Pôn, huyện Điện Biên                    | Cao đẳng            | Điều dưỡng            | CQ            | B297400             | 25/9/2014             | Dân tộc              |         |
| 105             | Mùa Thị Xuân     | 07/8/1998                   | Mông    | Bản Huổi Vang, xã Mường<br>Mươn, huyện Mường Chà | Cao đẳng            | Điều dưỡng            | CQ            | B1100754            | 12/7/2019             | Dân tộc              |         |
| 106             | Nguyễn Thị Xuyên | 16/7/1994                   | Kinh    | xã Diếp Nông, huyện Hưng Hà,<br>tỉnh Thái Bình   | Cao đẳng            | Điều dưỡng            | CQ            | B734427             | 20/7/2016             |                      |         |
| 107             | Quảng Thị Yên    | 02/5/1996                   | Thái    | Bản Nặm Nền II, xã Nặm Nền,<br>huyện Mường Chà   | Cao đẳng            | Điều dưỡng            | CQ            | B1014904            | 20/8/2018             | Dân tộc              |         |

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Điện Biên, ngày tháng 5 năm 2020

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ  
BSCKII. Lương Văn Kiên

